

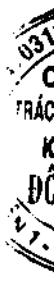
**CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VÀ
THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Thành lập tại Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (MẪU SỐ B 01 - DN)	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MẪU SỐ B 02 - DN)	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (MẪU SỐ B 03 - DN)	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (MẪU SỐ B 09 - DN)	9 - 23



CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VÀ TBTH TỈNH ĐẮK NÔNG

Đường Quang Trung, tổ 2, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa
Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 05/03/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6400001087 ngày 30/06/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/02/2015.

Văn phòng của Công ty tọa lạc tại đường Quang Trung, tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

Vốn điều lệ (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 09/02/2015): 1.267.645.192 đồng

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Mua, bán: Sách giáo khoa, sách tham khảo, vở, văn phòng phẩm, thiết bị dạy học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục, thể thao, âm nhạc;
- In ấn trong lĩnh vực giáo dục;
- Liên kết sản xuất, kinh doanh thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, bàn ghế học sinh, hàng trang trí nội thất, các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao;
- Dịch vụ du lịch;
- Thực hiện các dịch vụ, nghiệp vụ tư vấn các sản phẩm thuộc ngành, nghề kinh doanh và dịch vụ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 23.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC

Ông Ngô Xuân Hà – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo.

CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VÀ TBTH TỈNH ĐẮK NÔNG

Đường Quang Trung, tổ 2, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa
Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

NỘI DUNG KHÁC

Căn cứ vào quyết định cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Sách và TBTH tỉnh Đắk Nông, Công ty đã xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2011. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Do đó, Báo cáo tài chính này chưa bao gồm các điều chỉnh theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 10/01/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Nam Á đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm kiểm toán viên cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từng năm, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong các Báo cáo tài chính hay không.
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

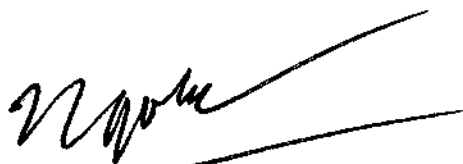
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

TUYÊN BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tôi, Ngô Xuân Hà – Chủ tịch kiêm Giám đốc, tuyên bố rằng theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã được soạn lập đúng đắn, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam và phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc ở ngày đó.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám Đốc,



Ngô Xuân Hà
Giám đốc

Ngày 13 tháng 02 năm 2017



Số: -17/SEAAUDIT.KT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 5 đến trang 23. Việc lập Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Giới hạn kiểm toán

Như trình bày tại thuyết minh số VII.05, Công ty bị truy thu thuế (năm 2004 và 2005), tổng số tiền 403.372.463 đồng (số đã nộp: 25.000.000 đồng, số còn phải nộp: 378.372.463 đồng) theo kết luận số 1785/KL-UBND của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông ngày 11/09/2007 "Về việc thanh tra hoạt động sản xuất kinh doanh và chấp hành pháp luật tại Công ty Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông". Tuy nhiên, theo văn bản số 99/TTr-STC ngày 23/04/2015 của Sở Tài Chính Tỉnh Đắk Nông "Về việc điều chỉnh sổ sách kế toán của Công ty Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông theo kết luận 1785/KL-UBND" thì để có cơ sở cho Công ty điều chỉnh lại sổ sách kế toán; đề nghị UBND Tỉnh Đắk Nông chỉ đạo thanh tra Tỉnh Đắk Nông tiếp nhận hồ sơ để khắc phục một số hồ sơ chưa đầy đủ tính pháp lý. Với các tài liệu kế toán hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản truy thu thuế này hay không. Do đó, ảnh hưởng của khoản truy thu thuế này đến Báo cáo tài chính còn tùy thuộc vào quyết định của các cơ quan có thẩm quyền.



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Giới hạn kiểm toán (tiếp theo)

Như trình bày tại mục (**) thuyết minh số 3, Công ty đã hạch toán các khoản phải thu hồi (tiền lương, mua bảo hiểm nhân thọ, tiền các cá nhân bán hàng không nộp quỹ ...) theo kết luận số 1785/KL-UBND của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông ngày 11/09/2007, số tiền: 714.717.271 đồng vào thu nhập khác trong kỳ (trong đó người lao động đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra Tỉnh Đắk Nông và Thanh tra Tỉnh Đắk Nông đã nộp vào Ngân sách Nhà nước là 512.867.217 đồng, phần chưa nộp là 201.850.054 đồng). Với các tài liệu được cung cấp, kiểm toán viên không thể xác định được liệu các khoản phải thu này có khả năng thu hồi toàn bộ và được hoàn trả về Công ty hay không.

Đến thời điểm kiểm toán chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận công nợ cũng như các biên bản đối chiếu công nợ khoản mục Phải thu của khách hàng, Phải trả khác. Các thủ tục thay thế khác chưa đem lại cho chúng tôi các cơ sở hợp lý để đưa ra ý kiến về các khoản mục công nợ nêu trên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán (nếu có), Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Cù Xuân Thắng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1681-2014-236-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG NAM Á
Ngày 23 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Minh Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2656-2014-236-1

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.679.934.370	7.491.596.731
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.934.125.639	475.329.077
1. Tiền	111	V.01	2.934.125.639	475.329.077
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.292.051.944	6.209.448.025
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	2.758.158.538	3.722.741.400
2. Trả trước cho người bán	132		5.015.364	3.635.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.03	3.643.790.784	2.597.984.367
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(114.912.742)	(114.912.742)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.277.392.285	614.673.218
1. Hàng tồn kho	141	V.04	2.277.392.285	614.673.218
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		176.364.502	192.146.411
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	167.582.781	192.146.411
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	8.781.721	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.803.325.264	1.348.010.223
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		774.061.084	833.543.368
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	691.794.411	728.076.699
- Nguyên giá	222		1.642.170.270	1.855.602.088
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(950.375.859)	(1.127.525.389)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	82.266.673	105.466.669
- Nguyên giá	228		185.527.570	185.527.570
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(103.260.897)	(80.060.901)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.029.264.180	514.466.855
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.029.264.180	514.466.855
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		13.483.259.634	8.839.606.954

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.874.014.198	8.965.879.692
I. Nợ ngắn hạn	310		12.975.757.626	9.067.623.120
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	6.540.016.045	5.052.933.023
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.714.711	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	119.824.606	224.465.795
4. Phải trả người lao động	314		182.206.083	154.662.041
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ KH HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	4.125.996.181	3.270.562.261
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.08	2.000.000.000	365.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		(101.743.428)	(101.743.428)
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		(101.743.428)	(101.743.428)
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		609.245.436	(126.272.738)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	609.245.436	(126.272.738)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.938.298.587	3.938.298.587
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		128.057.308	128.057.308
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.457.110.459)	(4.192.628.633)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.192.628.633)	(5.286.331.049)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		735.518.174	1.093.702.416
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		13.483.259.634	8.839.606.954

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Ngô Xuân Hà
 Giám đốc
 Ngày 13 tháng 02 năm 2017



Phụ trách kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	23.177.406.032	6.990.730.839
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.02	290.576.353	116.024.232
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22.886.829.679	6.874.706.607
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	18.429.875.720	5.100.121.672
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.456.953.959	1.774.584.935
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	29.971.054	2.033.172
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	63.940.691	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		63.500.000	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.08	1.731.718.706	200.012.241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.09	2.002.145.051	1.225.288.347
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		689.120.565	351.317.519
11. Thu nhập khác	31	VI.06	63.970.657	770.171.817
12. Chi phí khác	32	VI.07	17.573.048	27.786.920
13. Lợi nhuận khác	40		46.397.609	742.384.897
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		735.518.174	1.093.702.416
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		735.518.174	1.093.702.416
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Ngô Xuân Hà
 Giám đốc
 Ngày 13 tháng 02 năm 2017



Cao Anh Duy

Phụ trách kế toán

CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VÀ TBTH TỈNH ĐẮK NÔNG

Đường Quang Trung, tổ 2, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa
Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I.Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.Lợi nhuận trước thuế	01		735.518.174	1.093.702.416
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		59.482.284	41.197.586
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.614.674)	(2.033.172)
- Chi phí lãi vay	06		63.500.000	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		844.885.784	1.132.866.830
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(91.385.640)	(3.674.632.520)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.662.719.067)	(614.673.218)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.273.134.506	3.707.958.433
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(490.233.695)	(229.025.714)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(63.500.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		810.181.888	322.493.811
II.Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(120.065.000)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.545.455	-
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.069.219	2.033.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.614.674	(118.031.828)
III.Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31		-	-
2.Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.000.000.000	-
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(365.000.000)	-
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.635.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.458.796.562	204.461.983
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		475.329.077	270.867.094
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	2.934.125.639	475.329.077

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Ngô Xuân Hà
Giám đốc
Ngày 13 tháng 02 năm 2017



Phụ trách kế toán

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 05/03/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6400001087 ngày 30/06/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/02/2015.

Văn phòng của Công ty tọa lạc tại đường Quang Trung, tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

Vốn điều lệ (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 09/02/2015): 1.267.645.192 đồng

2. Ngành nghề kinh doanh

- Mua, bán: Sách giáo khoa, sách tham khảo, vở, văn phòng phẩm, thiết bị dạy học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục, thể thao, âm nhạc;
- In ấn trong lĩnh vực giáo dục;
- Liên kết sản xuất, kinh doanh thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, bàn ghế học sinh, hàng trang trí nội thất, các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao;
- Dịch vụ du lịch;
- Thực hiện các dịch vụ, nghiệp vụ tư vấn các sản phẩm thuộc ngành, nghề kinh doanh và dịch vụ.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng chính thức trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Thông tư bày và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy ước giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính như sau:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận góp vốn: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Công cụ tài chính

a. Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận.
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

b. Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

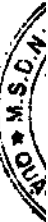
Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn không quá ba tháng mà có thể dễ dàng chuyển thành tiền và có rủi ro không đáng kể về việc thay đổi giá trị.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu phản ánh số tiền còn phải thu từ khách hàng và phải thu khác, được trình bày theo giá trị ghi sổ sau khi đã ghi giảm do các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khoản dự phòng phải thu khó đòi thể hiện các số tiền không thu được ước tính, được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc khi có những bằng chứng khách quan rằng Công ty không thể thu được tất cả các số tiền theo điều khoản thỏa thuận ban đầu. Tăng hoặc giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.



6. Hàng tồn kho*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn, thể hiện các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa tính hết vào chi phí trong kỳ phát sinh do các chi phí này liên quan đến nhiều kỳ hạch toán và được phân bổ vào chi phí theo thời gian mà lợi ích kinh tế do các khoản chi phí này mang lại.

8. Tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa đã được mua và dịch vụ đã được sử dụng mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi được xác định tương đối chắc chắn và thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích và xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi được xác định tương đối chắc chắn và thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận khi được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch đó. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kết thúc niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kết thúc niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kết thúc niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính kết thúc niên độ của kỳ sau.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành được tính căn cứ vào thuế suất áp dụng trong năm và kết quả kinh doanh trong năm đã được điều chỉnh cho vài khoản mục, mà cho rằng không được đánh giá hay được phép khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm cả khoản lỗ mang sang, nếu có. Do việc áp dụng luật và quy định về thuế đối với nhiều loại nghiệp vụ có thể được diễn giải khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán, trên cơ sở các chênh lệch tạm thời phát sinh giữa cơ sở tính thuế đối với tài sản hoặc công nợ và giá trị ghi sổ của chúng trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho niên độ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực mà trong tương lai có thể phát sinh thu nhập chịu thuế để số chênh lệch tạm thời có thể được sử dụng đến.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Các bên liên quan

Các bên được coi là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	609.483.490	429.240.522
Tiền gửi ngân hàng	2.324.642.149	46.088.555
Tổng cộng	2.934.125.639	475.329.077

2 . Phải thu khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
<i>Nhà sách Văn Khoa</i>	-	856.140.000
<i>Công ty TNHH Thiên Mã</i>	126.000.000	126.000.000
<i>Công ty TNHH MTV TMXD Quốc Đạt Đắk Nông</i>	364.840.000	364.840.000
<i>Công ty TNHH Thanh Tâm Đức</i>	1.495.080.000	1.495.080.000
<i>Nhà sách Giáo dục Gia Nghĩa</i>	183.718.024	205.015.746
<i>Nhà sách Giáo dục Cư Jút</i>	295.014.150	200.871.895
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	293.506.364	474.849.759
Tổng cộng	2.758.158.538	3.727.947.400

3 . Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Phải thu về xử lý tài chính quy trách nhiệm cá nhân (*)	938.445.258	-	938.445.258	-
- Ông Ngô Đình Thanh	653.610.284	-	653.610.284	-
- Ông Tạ Danh Quang	100.413.180	-	100.413.180	-
- Ông Tạ Danh Nghĩa	49.364.461	-	49.364.461	-
- Bà Tạ Thị Hợi	135.057.333	-	135.057.333	-
Phải thu thanh tra tỉnh Đắk Nông (**)	512.867.271	-	512.867.271	-
Phải thu cá nhân về các khoản chi sai chế độ (**)	201.850.000	-	201.850.000	-
- Ông Lê Minh Hậu	52.850.000	-	52.850.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hương	50.000.000	-	50.000.000	-
- Bà Mai Thị Sang	45.000.000	-	45.000.000	-
- Ông Nguyễn Mai Quang	32.000.000	-	32.000.000	-
- Bà Ngô Thị Nhâm	22.000.000	-	22.000.000	-
Tạm ứng	5.000.000	-	13.476.369	-
Phải thu khác	1.985.628.255	-	931.345.469	-
Tổng cộng	3.643.790.784	-	2.597.984.367	-

(*) Các khoản nợ phải thu về xử lý tài chính quy trách nhiệm đối với cá nhân (do trách nhiệm đối với tiền nợ vốn động không thu hồi được, chi tạm ứng sai quy định...) theo quyết định của Giám đốc Công ty.

(**) Theo kết luận số 1785/KL-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông ngày 11/09/2007 khoản phải thu hồi (tiền lương, mua bảo hiểm nhân thọ, tiền các cá nhân bán hàng không nộp quỹ...), số tiền: 714.717.271 đồng (trong đó người lao động đã nộp vào tài khoản tạm giữ của thanh tra tỉnh Đắk Nông và thanh tra tỉnh Đắk Nông đã nộp vào Ngân sách Nhà nước là 512.867.217, phần chưa nộp là 201.850.054 đồng). Ngày 23/04/2015, Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông đã có văn bản số 99/TTr-STC hướng dẫn Công ty hạch toán phải thu lại các khoản phải thu hồi trên đồng thời ghi nhận tăng thu nhập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4 . Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	2.277.392.285	-	614.673.218	-
Tổng cộng	2.277.392.285	-	614.673.218	-

5 . Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	1.078.162.088	-	666.540.000	110.900.000	-	1.855.602.088
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(213.431.818)	-	-	-	-	(213.431.818)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	864.730.270	-	666.540.000	110.900.000	-	1.642.170.270
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	(350.085.389)	-	(666.540.000)	(110.900.000)	-	(1.127.525.389)
Khấu hao trong năm	(36.282.288)	-	-	-	-	(36.282.288)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	213.431.818	-	-	-	-	213.431.818
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	(172.935.859)	-	(666.540.000)	(110.900.000)	-	(950.375.859)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	728.076.699	-	-	-	-	728.076.699
Tại ngày cuối năm	691.794.411	-	-	-	-	691.794.411

6 . Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền phát hành VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	-	-	-	185.527.570	-	185.527.570
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	185.527.570	-	185.527.570
GIÁ TRỊ KHẤU HAO						
Số dư đầu năm	-	-	-	(80.060.901)	-	(80.060.901)
Khấu hao trong năm	-	-	-	(23.199.996)	-	(23.199.996)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	(103.260.897)	-	(103.260.897)

CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VÀ TBTH TỈNH ĐẮK NÔNG

Đường Quang Trung, tổ 2, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa
Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	-	-	-	105.466.669	-	105.466.669
Tại ngày cuối năm	-	-	-	82.266.673	-	82.266.673

7 . Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Chi phí mặt bằng	162.340.500	120.000.000
Công cụ, dụng cụ	366.664	48.560.763
Các khoản khác	4.875.617	23.585.648
Tổng cộng	167.582.781	192.146.411
Dài hạn		
Chi phí san ùi mặt bằng	423.427.050	433.508.646
Công cụ, dụng cụ	340.928.800	59.184.016
Các khoản khác	264.908.330	21.774.193
Tổng cộng	1.029.264.180	514.466.855

8 . Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Bà Nguyễn Thị Hoa	365.000.000	365.000.000	-	365.000.000	-	-
Ngân hàng Vietinbank	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	365.000.000	365.000.000	2.000.000.000	365.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

9 . Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV In Đắk Lắk	334.440.902	334.440.902	463.281.394	463.281.394
Công ty CP Sách - TBTH Đắk Lắk	1.504.053.572	1.504.053.572	1.526.969.312	1.526.969.312
Công ty TNHH Tư vấn và XD Nguyễn Cửu	192.700.000	192.700.000	192.700.000	192.700.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư TM An Hưng	-	-	1.493.833.000	1.493.833.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.HCM	1.161.610.162	1.161.610.162	-	-
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thuận Tiến	2.472.081.665	2.472.081.665	136.481.669	136.481.669
Phải trả cho các đối tượng khác	875.129.744	875.129.744	1.239.667.648	1.239.667.648
Tổng cộng	6.540.016.045	6.540.016.045	5.052.933.023	5.052.933.023

10 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
	VND	VND			VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	130.174.457	730.678.629	748.067.158	-	112.785.928
Thuế thu nhập cá nhân	-	91.312	11.966.692	20.839.725	8.781.721	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	61.143.000	66.480.576	127.623.576	-	-
Các loại Thuế khác	-	33.057.026	6.737.748	32.756.096	-	7.038.678
Tổng cộng	-	224.465.795	815.863.645	929.286.555	8.781.721	119.824.606

CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VÀ TBTH TỈNH ĐẮK NÔNG

Đường Quang Trung, tổ 2, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa
Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

MẪU SỐ B 09 - DN

11 . Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	-	9.897.015
Bảo hiểm xã hội	-	255.163.183
Bảo hiểm y tế	-	35.216.551
Bảo hiểm thất nghiệp	-	23.559.610
Ngân sách tỉnh Đắk Nông	2.000.000.000	2.000.000.000
Bà Lê Thị Lan	69.967.000	69.967.000
Ông Ngô Xuân Hà	9.079.045	-
Các khoản khác	2.046.950.136	876.758.902
Tổng cộng	4.125.996.181	3.270.562.261

12 . Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Các khoản mục khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	3.938.298.587	-	128.057.308	(5.286.331.049)	-	(1.219.975.154)
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.093.702.416	-	1.093.702.416
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	3.938.298.587	-	128.057.308	(4.192.628.633)	-	(126.272.738)
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	735.518.174	-	735.518.174
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	3.938.298.587	-	128.057.308	(3.457.110.459)	-	609.245.436

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông	3.938.298.587	3.938.298.587
Tổng cộng	3.938.298.587	3.938.298.587

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	23.177.406.032	6.990.730.839
Tổng cộng	23.177.406.032	6.990.730.839

2 . Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	290.576.353	116.024.232
Tổng cộng	290.576.353	116.024.232

CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VÀ TBTH TỈNH ĐẮK NÔNG

Đường Quang Trung, tổ 2, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa

Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃU SỐ B 09 - DN***Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***3 . Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.429.875.720	5.100.121.672
Tổng cộng	18.429.875.720	5.100.121.672

4 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.069.219
Cản trừ công nợ	20.901.835
Tổng cộng	29.971.054

5 . Chi phí tài chính

	Năm nay VND
Lãi tiền vay	63.500.000
Phạt chậm nộp BHXH	440.691
Tổng cộng	63.940.691

6 . Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý nhà kho	4.545.455	-
Cho thuê mặt bằng cửa hàng Đắk Mil, Cư Jút, Đắk Lắk	54.545.455	53.531.546
Thu hồi khoản chi theo Công văn CV 99/TTr-STC	-	714.727
Các khoản khác	4.879.747	-
Tổng cộng	63.970.657	770.171.817

7 . Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	17.064.048	27.786.920
Các khoản khác	509.000	-
Tổng cộng	17.573.048	27.786.920

8 . Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí lương nhân viên	533.161.577	143.321.511
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	78.403.772	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.297.804	9.570.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.500.000	-
Chi phí bằng tiền khác	1.100.355.553	47.120.454
Tổng cộng	1.731.718.706	200.012.241

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	1.096.278.928	619.507.234
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.635.296	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.623.937	35.927.309
Thuế, phí và lệ phí	78.086.539	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539.714.836	-
Chi phí bằng tiền khác	189.805.515	569.853.804
Tổng cộng	2.002.145.051	1.225.288.347

10 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần trước thuế	735.518.174	1.093.702.416
Ảnh hưởng do:		
Các chi phí không được khấu trừ thuế	-	27.786.920
Các thu nhập không chịu tính thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	735.518.174	1.121.489.336
Số chuyển lỗ mang sang	(735.518.174)	(1.121.489.336)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ước tính	-	-
Thuế TNDN được giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty không lập dự phòng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm 2016 vì Công ty không có thu nhập tính thuế sau khi trừ khoản lỗ của các năm trước vào lợi nhuận trước thuế trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tính trên thu nhập tính thuế ước tính. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp này sẽ được cơ quan thuế xác định lại thông qua các cuộc kiểm tra. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, nên số liệu về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã được ghi nhận ở trên có thể thay đổi tùy theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán, lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh thêm trong Báo cáo tài chính.

2 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

3 . Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số IV .3 trừ đi tiền và các khoản trong tương lai) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

b) Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV.3.

c) Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.934.125.639	475.329.077
Phải thu khách hàng	2.758.158.538	3.722.741.400
Phải thu khác	3.643.790.784	2.597.984.367
Đầu tư tài chính	-	-
Tổng cộng	9.336.074.961	6.796.054.844
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.000.000.000	365.000.000
Phải trả người bán	6.540.016.045	5.052.933.023
Chi phí phải trả	(101.743.428)	(101.743.428)
Công nợ khác	4.125.996.181	3.270.562.261
Tổng cộng	12.564.268.798	8.586.751.856
Trạng thái ròng	(3.228.193.837)	(1.790.697.012)

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

d) Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đã thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá ngoại hối thông qua các biện pháp: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai (ký dự báo được căn cứ theo vòng quay tiền của hoạt động kinh doanh), duy trì hợp lý cơ cấu vay nợ ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp và sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có thông qua tài khoản tập trung để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định đối với đồng ngoại tệ và đồng nội tệ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ giữa ngoại tệ và VND theo lãi suất cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Thông qua tài khoản tập trung được quản lý bởi Công ty, Công ty đã tối ưu hóa được các dòng tiền nhận rồi và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận, số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà công ty phải trả.

31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải trả người bán	6.540.016.045	-	6.540.016.045
Chi phí phải trả	-	(101.743.428)	(101.743.428)
Công nợ khác	4.125.996.181	-	4.125.996.181
Tổng cộng	12.666.012.226	(101.743.428)	12.564.268.798

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	365.000.000	-	365.000.000
Phải trả người bán	5.052.933.023	-	5.052.933.023
Chi phí phải trả	-	(101.743.428)	(101.743.428)
Công nợ khác	3.270.562.261	-	3.270.562.261
Tổng cộng	8.688.495.284	(101.743.428)	8.586.751.856

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.934.125.639	-	2.934.125.639
Phải thu khách hàng	2.758.158.538	-	2.758.158.538
Phải thu khác	3.643.790.784	-	3.643.790.784
Đầu tư tài chính	-	-	-
Tổng cộng	9.336.074.961	-	9.336.074.961

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	475.329.077	-	475.329.077
Phải thu khách hàng	3.722.741.400	-	3.722.741.400
Phải thu khác	2.597.984.367	-	2.597.984.367
Đầu tư tài chính	-	-	-
Tổng cộng	6.796.054.844	-	6.796.054.844

e) Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

5 . Những thông tin khác

Theo kết luận số 1785/KL-UBND ngày 11/09/2007 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông thì Công ty bị truy thu và phạt thuế năm 2004, 2005, tổng số tiền là 403.372.463 đồng (số đã nộp: 25.000.000 đồng, số còn phải nộp: 378.372.463 đồng). Tuy nhiên, theo văn bản số 99/TTr-STC ngày 23/04/2015 của Sở Tài Chính Tỉnh Đắk Nông "Về việc điều chỉnh sổ sách kế toán của Công ty Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông theo kết luận 1785/KL-UBND" thì để có cơ sở cho Công ty điều chỉnh lại sổ sách kế toán; đề nghị UBND Tỉnh Đắk Nông chỉ đạo Thanh tra Tỉnh Đắk Nông tiếp nhận lại hồ sơ để khắc phục một số hồ sơ chưa đầy đủ tính pháp lý. Do đó, Công ty vẫn chưa nộp cũng như chưa ghi nhận khoản thuế còn phải nộp vào Báo cáo tài chính.

VIII . PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên Công ty và ủy quyền cho phát hành vào ngày 13 tháng 02 năm 2017.



Ngô Xuân Hà

Giám đốc

Ngày 13 tháng 02 năm 2017



Cao Anh Dũng

Phụ trách kế toán

